TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Phạm Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1154/2016/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2016 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2017/TB-TA ngày 20/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Bà Lâm Thị L, sinh năm 1991 (có mặt)
HKTT: đường L, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn : Ông Ngô H, sinh năm 1973
(vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt)
HKTT: đường L, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Địa chỉ cư trú: đường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ngày 11/11/2016, quá trình tố tụng tại Tòa và tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày:

Bà và ông Ngô H sau thời gian sống chúng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2015. Thời gian đầu ông bà sống chung với nhau hạnh phúc tại địa chỉ đường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và có 01 con chung. Sau đó, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên hành hung, đánh đập bà. Ông H có tính cách gia trưởng, luôn ép

buộc bà L phải làm việc theo ý của ông. Sau khi bà dọn nhà đi nơi khác sinh sống, ông H vẫn thường xuyên đến hăm dọa, gây áp lực về tinh thần cho bà.

Tại tòa, một lần nữa bà L khẳng định không còn tình cảm với ông H, dù ông H có cố gắng hoặc thay đổi bản thân thì bản thân bà xác định không còn khả năng ghi nhận để mở lòng và hàn gắn với ông H. Để trả tự do cho nhau, để bà toàn tâm, toàn ý nuôi con, bà yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là cháu Ngô Khánh Ngọc, sinh ngày 18/9/2014. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con vì bà cho rằng cháu Ngọc là con gái và còn nhỏ tuổi (dưới 36 tháng tuổi). Hơn nữa từ khi cháu Ngọc sinh ra thì đã quen ở với bà.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay sống cùng bà tại địa chỉ N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có mẹ ruột và hai em nên sẽ cùng phụ giúp bà trong việc chăm sóc cháu Ngọc. Bà L có công việc làm ổn định, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng Vì vậy, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung**:** Bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra bà L không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa ông Ngô H trình bày:*

Ông xác nhận ông và bà L sau thời gian sống chung trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thì tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2015. Tuy nhiên thời gian sau ông bà có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà L suy nghĩ không thấu đáo, rất ngang bướng và không chung thủy. Đã nhiều lần ông khuyên răn, dạy bảo nhưng bà Liên vẫn không thay đổi những thói hư tật xấu, vẫn hỗn láo, chửi bới ông và gia đình ông do đó ông không kiềm chế được nên hai bên đã xảy ra xô xát. Hiện nay ông và bà L đã ly thân một thời gian dài, tình cảm rạn nứt, không thể hòa hợp gắn bó nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung là cháu Ngô Khánh Ngọc, sinh ngày 18/9/2014. Ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông H cho rằng bà L hạn chế về trình độ nên không đủ khả năng để nuôi dạy con. Tuy công việc hiện nay của ông là kinh doanh tự do, có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nhưng không ổn định và đang phải đi thuê nhà nhưng ông tin rằng với trình độ nhận thức của ông và xuất phát từ tình yêu thương con, ông sẽ khắc phục mọi điều kiện, tận dụng mọi khả năng để nuôi dạy con nên người. Ông có nguyện vọng về mặt pháp lý thì ông là người được quyền trực tiếp nuôi cháu Ngọc nhưng về mặt thực tế ông vẫn để cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc như hiện nay. Trường hợp bà L được quyền trực tiếp nuôi cháu Ngọc thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử

và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật cho thấy vợ chồng ông H và bà L trong thời kỳ hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân, không cùng chung sống với nhau, cả hai xác nhận không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về con chung: Ông H và bà L đều yêu cầu được nuôi con, cháu Ngọc là nữ và dưới 36 tháng tuổi nên giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông Chung cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng và ông H đồng ý nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

Đến thời điểm mở phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà L có đơn khởi kiện“ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Ngô H, có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự**.**

Tại phiên tòa hôm nay ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt và việc vắng mặt của ông H không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt ông H.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Xét ông H và bà L chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 2015, như vậy hôn nhân giữa ông H và bà L là đúng quy định pháp luật.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, có 01 con chung. Sau này phát sinh mâu thuẫn, theo hai người thì lý do, nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn có khác nhau nhưng mâu thuẫn là có thật và hai bên cùng xác nhận trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cũng được hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, cả hai không tìm được biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân của mình.Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và theo thời gian thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết.

Để xem xét yêu cầu của bà L, Tòa đã tiến hành xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ theo qui định của pháp luật. Kết quả biên bản xác minh tại địa phương cho thấy bà L và ông H trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay bà L và ông H không còn sống chung với nhau. Như vậy khả năng hàn gắn

tình cảm giữa ông H và bà L là không thể thực hiện được, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt, ông H đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, xử bà L được ly hôn với ông H.

[3].Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà L có một con chung tên cháu là Ngô Khánh Ngọc, sinh ngày 18/9/2014.

Theo quy định pháp luật sau khi ly hôn ông H và bà L vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con và có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, ông H và bà L đã không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quyền nuôi con, chăm sóc con là quyền chung của cả cha và mẹ, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo cho cháu có điều kiện tốt nhất để phát triển cả về thể chất, tinh thần và nhân cách. Xét thấy cháu Ngọc là con gái, còn quá nhỏ, dưới 03 (ba) tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ, bà L có sức khỏe, có công việc ổn định, bên cạnh có sự hỗ trợ của gia đình trong việc phụ giúp bà chăm sóc con. Ông H mong muốn được nuôi con nhưng bản thân ông lại không có nơi ở ổn định nên cũng ảnh hưởng phần nào đến việc chăm sóc con, nhất là con gái. Bà L có nguyện vọng tha thiết muốn được nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà L là có cơ sở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Xét thấy yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của bà L là phù hợp với điều kiện thu nhập của ông H, phù hợp với hoàn cảnh thực tế và không trái quy định của pháp luật, ông H cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên nên cần xem xét chấp nhận.

Sau này ông H và bà L còn được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu có căn cứ.

Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 24, khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Ngô Khánh Ngọc, sinh ngày 18-9-2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, kể từ ngày án có hiệu lực đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

Ông H có quyền thăm và chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của các con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình,Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001777 ngày 29-11-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà L đã nộp xong án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVT;
- Chi cục thi hành án dân sự TPVT;
- Ủy ban nhân dân phường 10, TPVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Phạm Thanh Mai